TENSES REVISON

I. THE PRESENT SIMPLE TENSE – THÌ HIỆN TẠI ĐƠN

1. Cách dùng (Uses)

Thì hiện tại đơn được sử dụng để diễn tả:

- **Thói quen, hành động lặp đi lặp lại:** I get up at 6 a.m. every day.
- **Sự thật hiển nhiên, chân lý:** The sun rises in the east.
- **Lịch trình, thời gian biểu:** The train leaves at 7 a.m.
- **Sở thích, cảm xúc, trạng thái:** She likes English.

2. Công thức (Structures)

A. Với động từ thường (Ordinary verbs)

Dạng câu	Công thức	Examples
Khẳng định (+)	S + V(s/es) + O	She ***goes*** to school every day.
Phủ định (-)	S + do/does + not + V-inf	She ***doesn't go*** to school every day.
Nghi vấn (?)	Do/Does + S + V-inf?	***Does she go*** to school every day?

*** Lưu ý:**

- **I/ You/ We/ They + V nguyên mẫu.**
- **He/ She/ It + V-s/es.**
- **Do** dùng với **I/ You/ We/ They.**
- **Does** dùng với **He/ She/ It.**
- Sau **do/ does/ don't/ doesn't**, động từ luôn ở dạng **nguyên mẫu.**

B. Với động từ TO BE

Dạng câu	Công thức	Examples
Khẳng định (+)	S + am/is/are + ...	She is a teacher.
Phủ định (-)	S + am/is/are + not + ...	They aren't students.
Nghi vấn (?)	Am/Is/Are + S + ...?	Are you happy?

*** Cách dùng am/is/are:**

I + am ***He/ She /It + is*** ***You/ We /They + are***

LIVEWORKSHEETS

3. Quy tắc thêm -s/-es

Quy tắc	Ví dụ
Thông thường thêm -s	play → plays
Thêm -es với động từ tận cùng: s, sh, ch, x, z, o	watch → watches; go → goes
Phụ âm + y: đổi y thành ies	study → studies
Nguyên âm + y: thêm -s	play → plays
Một số trường hợp đặc biệt	have → has

4. Dấu hiệu nhận biết (Signal words)

Trạng từ/cụm từ	Nghĩa	Trạng từ/cụm từ	Nghĩa
Always	Luôn luôn	**Never**	Không bao giờ
Usually	Thường xuyên	**Every day**	Mỗi ngày
Often	Thường	**Every week**	Mỗi tuần
Sometimes	Thỉnh thoảng	**Once a week**	Một lần mỗi tuần
Rarely/Seldom	Hiếm khi	**Twice a month**	Hai lần mỗi tháng

*** Vị trí trạng từ tần suất:**

- Đứng trước động từ thường: She usually gets up early.
- Đứng sau động từ to be: He is always happy.

EXERCISES

Exercise 1: Choose the correct answer A, B, C or D to complete each sentence.

1. My father usually _____ to work by car.

A. go B. goes C. going D. is go

2. They _____ football every Sunday.

A. plays B. playing C. play D. are play

3. She _____ English at a high school.

A. teach B. teaching C. teaches D. is teach

LIVEWORKSHEETS

4. My mother _____ coffee in the morning.

A. don't drink B. doesn't drinks C. doesn't drink D. not drink

5. _____ your brother like playing computer games?

A. Do B. Does C. Is D. Are

6. Peter and John _____ to school by bus every day.

A. goes B. go C. going D. is going

7. Water _____ at 100 degrees Celsius.

A. boil B. boiling C. boils D. is boil

8. My sister often _____ her homework after dinner.

A. do B. does C. doing D. is do

9. We _____ TV very often.

A. doesn't watch B. aren't watch C. don't watch D. not watches

10. How often _____ you visit your grandparents?

A. does B. are C. do D. is

11. Tom _____ up at 6 a.m. every morning.

A. get B. gets C. getting D. is get

12. The sun _____ in the east.

A. rise B. rising C. rises D. is rise

13. My friends _____ in a small village.

A. lives B. living C. live D. is live

14. _____ she work in a hospital?

A. Do B. Does C. Is D. Are

15. He never _____ late for school.

A. arrive B. arriving C. arrives D. is arrive

16. My parents _____ dinner at 7 p.m. every day.

A. has B. have C. having D. is having

17. Mary _____ her room every weekend.

A. clean B. cleaning C. cleans D. is clean

18. Where _____ your parents live?

A. does B. are C. do D. is

LIVEWORKSHEETS

19. My dog _____ meat but it _____ vegetables.

A. like / don't like B. likes / doesn't like

C. likes / don't like D. like / doesn't likes

20. The students _____ English lessons three times a week.

A. has B. having C. have D. is have

Exercise 2: Use the verb in parentheses in the present simple tense.

1. She usually (get) _____ up at 6 o'clock.
2. My father (work) _____ in a hospital.
3. They (play) _____ football every afternoon.
4. He (not like) _____ drinking milk.
5. My mother (cook) _____ dinner every evening.
6. We (go) _____ to school by bike.
7. Peter (study) _____ English three times a week.
8. The students (not have) _____ classes on Sunday.
9. _____ your brother (watch) _____ TV every night?
10. My sister often (do) _____ her homework after dinner.
11. The sun (rise) _____ in the east.
12. Lan and Hoa (be) _____ good students.
13. He (not be) _____ at home on Sundays.
14. _____ she (teach) _____ English at this school?
15. My dog (run) _____ very fast.

LIVEWORKSHEETS